

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán chi bổ sung và điều chỉnh ngân sách năm 2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON CẨM ĐIỀN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017 TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3007/QĐ- UBND ngày 30/6/2022 của UBND huyện Cẩm Giàng về giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị trực thuộc UBND huyện Cẩm Giàng giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ quyết định số: 1646/QĐ – UBND, ngày 28/4/2025 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán khối sự nghiệp giáo dục năm 2025 để chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của GV tỉnh khác, huyện khác về, tăng BC, GVHD mới, thăng hạng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán chi bổ sung ngân sách năm 2025 của Trường Mầm Non Cẩm Điền về việc cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán khối sự nghiệp giáo dục năm 2025 để chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của GV tỉnh khác, huyện khác về, tăng BC, GVHD mới, thăng hạng;

Hình thức công khai: Trên trang Web của nhà trường và đọc công khai các cuộc họp hàng tháng trong hội đồng sư phạm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. BGH nhà trường, bộ phận kế toán và cán bộ viên chức - nhân viên căn cứ thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Lưu :VT, KT



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

HỒ THỊ LAN

Đơn vị: Trường mầm Non Cẩm Điền
Mã Chương: 622, Loại 070 - khoản 071

Mã SDQHNS: 1016897

Số tài khoản: 9527.3 1016897

Số tài khoản: 9523.3 1016897

DỰ TOÁN BỔ SUNG CHI NSNN NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số: 1646/QĐ - UBND ngày 28 tháng 4 năm 2025 của UBND huyện Cẩm Giàng)

Đơn vị: 1.000 đồng

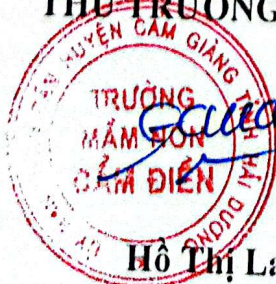
Nội dung	Số tiền
I. Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-
1. Số thu phí, lệ phí (nộp Kho bạc 100%)	-
- Học phí	-
2. Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	-
Chi cải cách tiền lương + Lương GVHD	-
Chi công tác quản lý thu	-
Chi hoạt động thường xuyên, sửa chữa nhỏ, chi khác	-
Chi tăng cường CSVC dùng cho chuyên môn	-
3. Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II. Dự toán chi ngân sách nhà nước	11.097
1. Giáo dục, đào tạo, dạy nghề	11.097
Tiết kiệm chi TX để cải cách tiền lương (để tại huyện)	
a) Kinh phí giao tự chủ	11.097
Quỹ lương thăng hạng	11.097
Chi thường xuyên	-
Tăng cường CSVC.....	-
(chi tiết theo các khoản chi)	
b) Kinh phí không giao tự chủ	-
Chi hỗ trợ GV thu nhập thấp	-
Chi phần mềm	
(Chi tiết theo các khoản chi)	
2. Chi sự nghiệp nghiên cứu khoa học:	

Ngày tháng 4 năm 2025

NGƯỜI LẬP

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

PHÒNG TC - KẾ HOẠCH



Hồ Thị Lan



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
NGUYỄN THỊ LÀ

Được quét bằng CamScanner

Số: 164/QĐ-UBND

Cẩm Giàng, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán
khỏi sự nghiệp giáo dục năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số: 76/TTr-TCKH ngày 24 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trích ngân sách huyện, số tiền: 3.260.354.000 đồng (Ba tỷ, hai trăm sáu mươi triệu, ba trăm năm mươi bốn nghìn đồng) (Từ nguồn kinh phí điều chỉnh giảm chi ngân sách khỏi sự nghiệp giáo dục về ngân sách huyện năm 2025: 431.068.000 đồng, từ nguồn kinh phí tăng thu chuyển nguồn năm 2024 sang năm 2025: 2.829.286.000 đồng). Cấp bổ sung kinh phí cho các đơn vị dự toán khỏi sự nghiệp giáo dục để chi trả tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp của giáo viên tỉnh khác, huyện khác chuyển về, tăng biên chế năm 2025, giáo viên hợp đồng tăng mới, bổ nhiệm và xếp lương viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp trên địa bàn huyện Cẩm Giàng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Việc cấp phát, thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo đúng quy định của chế độ quản lý tài chính hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng phòng Giáo dục & Đào tạo huyện, Kho bạc Nhà nước khu vực V, Hiệu trưởng các trường có tên tại Điều 1 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, TCKH.



Trần Văn Quyết



PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số 166/QĐ-UBND ngày 28/04/2025 của UBND huyện)

DVT: 1000 đồng

STT	Tên đơn vị	Tỉnh, huyện khác về	Tăng Biên chế	Hợp đồng mới	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	Tổng cộng
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng cộng	217.053	2.584.758	147.646	310.897	3.260.354
I	IT GDNN-GDTX				6.936	6.936
II	Khối THCS	196.229	1.901.983	33.237	106.464	2.237.913
1	Cẩm hưng		202.871			202.871
2	Ngọc liên		67.624		18.380	86.004
3	Cẩm Giang		162.297			162.297
4	Thạch lỏi				20.114	20.114
5	Lương diên			33.237	18.033	51.270
6	Định Sơn		391.663			391.663
7	Cẩm Hoàng		67.624			67.624
8	Cẩm Vũ		56.409			56.409
9	Cẩm Văn		67.624			67.624
10	Đức chính		67.624			67.624
11	Cao an				11.097	11.097
12	Lai cách		270.495		11.097	281.592
13	Cẩm đông	196.229	74.386			270.615
14	Tân trường		270.495		7.283	277.778
15	Cẩm phúc		135.247			135.247
16	Cẩm diên		67.624		11.097	78.721
17	Nguyễn Huệ				9.363	9.363
II	Khối Tiểu học	-	351.644	36.522	156.227	544.393
1	Ngọc liên				6.936	6.936
2	Cẩm giang				16.646	16.646
4	Thạch Lỏi				9.363	9.363
5	Định sơn				6.936	6.936

STT	Tên đơn vị	Tỉnh, huyện khác về	Tăng Biên chế	Hợp đồng mới	Thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	Tổng cộng
6	Lương điền					
7	Cầm hoàng				9.363	9.363
8	Cầm Vũ				13.074	13.074
9	Cầm Văn				4.855	4.855
10	Đức chính				48.826	48.826
11	Cao an				6.936	6.936
12	Lai cách		67.624		9.710	77.334
13	Cầm đoài		67.624			67.624
14	Cầm đông				6.936	6.936
15	Tân trường 1		81.148		9.016	90.164
16	Tân trường 2				6.936	6.936
17	Cầm phúc		67.624			67.624
18	Cầm điền		67.624		347	67.971
III	Khối Mầm non	20.824	331.131	36.522	347	36.869
1	Cầm hưng			77.887	41.270	471.112
2	Ngọc liên				2.428	2.428
3	Định Sơn			77.887		77.887
4	Lương điền				4.508	4.508
5	Cầm Hoàng				2.428	2.428
6	Cầm Văn				2.428	2.428
7	Cao an				2.428	2.428
8	Lai cách				2.428	2.428
9	Cầm đông	20.824			11.097	11.097
10	Cầm Phúc		331.131			20.824
11	Cầm điền				2.428	333.559
					11.097	11.097